

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2022
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Nguyễn Anh Tú**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Duy H1**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 19, xã H X, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị **Hoàng Thị H2**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 19, xã H X, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

Tạm trú: Khối 7, phường L S, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn anh Đỗ Duy H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H2 kết hôn với nhau vào ngày 07/12/2006, đăng ký tại UBND xã Đ S, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị sống chung. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình nên anh phải đi làm xa, kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất hòa đến ngày 10/01/2012, chị H2 cùng con bỏ nhà đi làm công nhân. Kể từ đó anh và chị sống ly thân, không còn thăm hỏi hay quan

tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị H2

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Hoài A, sinh ngày 19/4/2007. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị H2. Ly hôn anh H1 đồng ý để chị H2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu A thành niên. anh H1 không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H2.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Trong Bản tự khai – bị đơn chị Hoàng Thị H2 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Duy H1 đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 02 năm 2006, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ S, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị sống chung. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau và có những bất đồng về tính cách. Anh chị đã sống ly thân từ 2012 đến nay không còn qua lại thăm hỏi hay quan tâm đến nhau. Hiện nay chị đang tạm trú tại Khố 7, xã Long Sơn, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. chị H2 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H1 làm đơn ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Hoài A, sinh ngày 19/4/2007. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị H2. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu A thành niên. Chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: chị H2 xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Quá trình giải quyết, chị H2 đã được Tòa án thông báo hợp lệ đến tham gia các phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị đều vắng mặt. Anh Tám có đơn đề nghị không tiến hành phiên họp hòa giải. Như vậy, vụ án không thuộc trường hợp không hòa giải được quy định tại Khoản 4, Điều 207 BLTTDS.

Anh Đỗ Duy H1 và chị Hoàng Thị H2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Duy H1 kết hôn với chị Hoàng Thị H2 vào ngày 07 tháng 02 năm 2006, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ S, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh H1 và chị H2 đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, gia đình khó khăn về kinh tế, hai bên không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay anh H1 và chị H2 không còn thực tế chung sống, vợ chồng ly thân từ năm 2012 không ai còn quan tâm đến nhau. Nay anh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn chị H2, chị H2 đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị H2 đã trầm trọng; tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, không hợp tác tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh H1, xử cho anh được ly hôn với chị H2 là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: anh H1 và chị H2 xác định có 01 con chung là Đỗ Hoài A, sinh ngày 19/4/2007. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị H2. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. anh H1 cũng nhất trí để chị H2 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Tại bản tự khai, cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Tòa án giao cháu A cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H2 không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: anh H1 và chị H2 đề xác định không có. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh H1 phải chịu án phí theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Duy H1 được ly hôn chị Hoàng Thị H2.
2. Về con chung: anh H1 và chị H2 xác định có 01 con chung là Đỗ Hoài A, sinh ngày 19/4/2007. Xử giao cháu A cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu A thành niên. anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H2 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: anh H1 và chị H2 đều xác định không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đỗ Duy H1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2020/0005908 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Viết Tú

